TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH

-Bản án số: 12/2018/HNGD-ST

Ngày: 20/4/2018

Về việc : Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------☆----------

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân S.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thúy, ông Nguyễn Văn An

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng T- cán bộ Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn- tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát thị xã Từ Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Khải–Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án Nhân dân thị xã Từ Sơn - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST – HNGĐ ngày 22/11/2017 về việc Tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX - ST ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1972 (có mặt)**
Trú quán: Xóm T, thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh
***Bị đơn*: Chị Trần Thu H - Sinh năm 1973 (vắng mặt)**
Trú quán: Số 2 ngõ 2, khu phố T, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn anh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thu H từ năm 2000. Trước khi cưới hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, T, Bắc Ninh.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc.Tuy nhiên, đến năm 2014 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do lối sống và tính cách không hợp. Chị H sống giả dối mất lòng tin của chồng và gia đình nH chồng. Từ tháng 01/2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung : Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn H L, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn L C, sinh năm 2006. Ly hôn anh T tùy vào nguyện vọng của các con muốn ở với ai cũng được. T hợp các cháu muốn ở với anh thì anh không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi con. Nếu các cháu muốn ở với mẹ thì anh đồng ý đóng góp phí tổn nuôi con Hng tháng.

Về tài sản chung vợ chồng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ vợ chồng : Vợ chồng có khoản nợ Ngân Hng TMCP SHB. Tuy nhiên, khoản nợ này Ngân Hng đã khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang giải quyết. Do đó không để nghị giải quyết trong vụ án này.

Theo chị H trình bầy : Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân T từ năm 2000. Trên cơ sở có được tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc.Tuy nhiên, đến năm 2014 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn việc làm ăn của vợ chồng thua lỗ ngoài ra còn do lối sống và tính cách không hợp. Từ tháng 01/2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị không đồng ý lý hôn do chị vẫn còn tình cảm với anh T và không muốn các con chịu cảnh bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên nếu anh T cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung : Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn H L, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn L C, sinh năm 2006. Nếu vợ chồng phải ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả cháu L và cháu C không đề nghị giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ vợ chồng : Vợ chồng có khoản nợ Ngân Hng TMCP SHB. Tuy nhiên, khoản nợ này Ngân Hng đã khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang giải quyết. Do đó không để nghị giải quyết trong vụ án này.

Chị H đã nhận được Thông báo thụ lý, Thông báo Hòa giải và công khai chứng cứ nhưng chị H xin từ chối có mặt tại Tòa án. Chị H xin được xét xử vắng mặt.

Ý kiến của cháu L và cháu C : T hợp bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với chị H.

Do chị H xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến Hnh xét xử vắng mặt đới với chị H.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị H. Về phần con chung anh T để chị H trược tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu C. Vấn đề cấp dưỡng giữa anh và chị H sẽ tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ vợ chồng : Vợ chồng không nợ ai không ai nợ vợ chồng không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, là đúng theo quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T. Xử cho anh T được ly hôn chị H.

Giao con chung là các cháu: Nguyễn H L, sinh năm 2003 và chấu Nguyễn L C, sinh năm 2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thu H kết hôn vào năm 2000. Trước đó hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Sơn, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện do luật định. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu giữa anh T và chị H sống hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về suy nghĩ và cách sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2015 cho đến nay. Giữa anh T và chị H không có biện pháp nào để Hn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị H không đồng ý ly hôn. Việc chị H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được lý do để thuyết phục anh T về đoàn tụ. Mặt khác trong cuộc sống chung giữa anh T và chị H có mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho anh T được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn H L, sinh năm 2003 và chấu Nguyễn L C, sinh năm 2006. Hiện các cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả cháu L và cháu C không đề nghị giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu L và cháu C cũng là được tiếp tục ở với chị H. Xét thấy nguyện vọng của cháu L và cháu C là chính đáng và tránh sự xáo chộn trong cuộc sống nên giao cháu L và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. vấn đề cấp dưỡng không đề cập gải quyết.

Về tài sản chung, công nợ vợ chồng không đề nghị Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 227, 228, 235, 264, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

1- Xử cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Trần Thu H.

2- Giao con chung là các cháu Nguyễn H L, sinh năm 2003 và chấu Nguyễn L C, sinh năm 2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Phí tổn nuôi con không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng án phí Ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 03209 ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại C cục thi Hnh án Dân sự thị xã Từ sơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh, huyện.
- Thi Hnh án..
- Lưu hồ sơ, VP.